

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10  
KHÓA NGÀY 22/05/2026

-----o0o-----

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10  
THPT NĂM HỌC 2026 - 2027  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐỨC THUẬN

*Trường Thi, ngày 15 tháng 06 năm 2026*



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026 - 2027  
TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐỨC THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 1.168/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
1	590001	NGUYỄN VŨ BẢO AN	Nữ	09/09/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.00	8.00	8.25	0.00	0.00	24.25	
2	590003	TRẦN CÔNG AN	Nam	19/08/2011	THCS Thành Lợi	9.50	8.50	9.05	0.00	0.00	27.05	
3	590004	VŨ CÔNG AN	Nam	20/06/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	8.50	0.00	0.00	25.75	
4	590006	DŨ MINH ANH	Nam	06/01/2011	THCS Đại Thắng	8.25	8.75	8.50	0.00	0.00	25.50	
5	590007	ĐÀO CHỨC ANH	Nữ	09/10/2011	THCS Đại Thắng	6.75	9.00	8.75	0.00	0.00	24.50	
6	590008	HOÀNG DIỆP ANH	Nữ	24/11/2011	THCS Liên Bảo	7.00	8.00	5.25	0.00	0.00	20.25	
7	590010	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	27/06/2011	THCS Đại Thắng	8.00	7.75	7.25	0.00	0.00	23.00	
8	590011	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	13/08/2011	THCS Liên Bảo	7.75	8.25	6.10	0.00	0.00	22.10	
9	590012	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	10/02/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.75	5.50	0.00	0.00	22.25	
10	590013	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	11/08/2011	THCS Nguyễn Phúc	7.75	8.75	8.05	0.00	0.00	24.55	
11	021286	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	05/11/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.50	8.50	8.95	0.00	0.00	25.95	
12	590014	NGUYỄN NGỌC ANH	Nam	18/03/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	8.30	0.00	0.00	25.55	
13	020197	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	01/09/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.75	7.40	0.00	0.00	24.40	
14	590015	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	28/12/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.50	5.75	0.00	0.00	21.75	
15	590016	NGUYỄN QUỐC ANH	Nam	04/12/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	6.80	0.00	0.00	23.55	
16	590017	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	26/09/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	8.35	0.00	0.00	24.85	
17	590018	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	07/07/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	6.45	0.00	0.00	22.20	
18	590019	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	08/10/2011	THCS Thành An	8.50	8.75	6.10	0.00	0.00	23.35	
19	590020	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	18/04/2011	THCS Đại An	7.25	8.25	5.60	0.00	0.00	21.10	
20	590021	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	10/09/2011	THCS Thành Lợi	7.00	7.50	6.45	0.00	0.00	20.95	
21	590022	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	15/06/2011	THCS Thành Lợi	7.25	8.50	6.40	0.00	0.00	22.15	
22	590024	PHAN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	03/06/2011	THCS Thành Lợi	8.25	9.50	9.05	0.00	0.00	26.80	
23	590027	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	31/01/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.75	5.10	0.00	0.00	21.85	
24	590029	TRẦN TUẤN ANH	Nam	22/01/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.50	6.55	0.00	0.00	23.05	
25	590030	VŨ ĐỨC ANH	Nam	02/01/2011	THCS Nguyễn Phúc	8.25	7.75	7.30	0.00	0.00	23.30	
26	590031	VŨ HẢI ANH	Nam	12/12/2011	THCS Thành Lợi	9.25	8.50	8.85	0.00	0.00	26.60	
27	590032	VŨ PHẠM KIM ANH	Nữ	03/08/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.75	8.10	0.00	0.00	25.85	
28	590033	VŨ TRẦN HOÀNG ANH	Nam	01/01/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	7.90	0.00	0.00	24.65	
29	590035	VŨ TUẤN ANH	Nam	16/10/2011	THCS Đại Thắng	8.00	7.50	6.90	0.00	0.00	22.40	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
30	590036	VŨ VĂN ANH	Nữ	05/04/2011	THCS Đại Thắng	8.50	9.00	7.60	0.00	0.00	25.10	
31	590037	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	14/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	6.05	0.00	0.00	22.80	
32	590038	ĐẶNG MINH ÁNH	Nữ	02/10/2011	THCS Liên Bảo	7.25	8.50	6.45	0.00	0.00	22.20	
33	590040	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	03/05/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.50	7.80	0.00	0.00	24.30	
34	590041	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	18/11/2011	THCS Liên Bảo	7.75	8.75	5.25	0.00	0.00	21.75	
35	590042	VŨ PHƯƠNG ÁNH	Nữ	19/01/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.00	6.85	0.00	0.00	23.35	
36	590044	VŨ THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	24/09/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	5.95	0.00	0.00	21.70	
37	010717	PHẠM NGỌC THÁI BẢO	Nam	18/04/2011	THCS Trần Huy Liệu	9.50	8.00	9.00	0.00	0.00	26.50	
38	590048	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	16/03/2011	THCS Thành An	7.75	7.50	6.95	0.00	0.00	22.20	
39	590049	NGUYỄN HIÊU BẢO	Nam	09/01/2011	THCS Liên Bảo	8.50	8.25	9.20	0.00	0.00	25.95	
40	590051	BÙI XUÂN BẮC	Nam	13/08/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.00	6.65	1.00	0.00	23.65	
41	590052	ĐỖ NGỌC BÍCH	Nữ	22/07/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.50	8.65	0.00	0.00	25.15	
42	021200	PHẠM AN BÌNH	Nữ	29/09/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.50	8.50	8.40	0.00	0.00	25.40	
43	590053	VŨ HUY CẢNH	Nam	16/10/2011	THCS Liên Bảo	8.75	8.50	7.80	0.00	0.00	25.05	
44	590054	ĐỖ BẢO CHÂU	Nữ	20/02/2011	THCS Đại Thắng	9.00	8.00	8.75	0.00	0.00	25.75	
45	590055	VŨ THỊ BẢO CHÂU	Nữ	16/07/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	7.05	0.00	0.00	23.80	
46	590056	NGUYỄN KHÁNH CHI	Nữ	03/09/2011	THCS Liên Bảo	8.50	7.75	7.55	0.00	0.00	23.80	
47	590057	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	Nữ	28/09/2011	THCS Thành Lợi	7.25	7.25	6.30	0.00	0.00	20.80	
48	590058	NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI	Nữ	25/09/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.50	5.25	0.00	0.00	21.25	
49	590059	PHẠM THỊ THÙY CHI	Nữ	07/07/2011	THCS Trần Huy Liệu	7.25	8.00	8.15	0.00	0.00	23.40	
50	590064	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	01/02/2011	THCS Đại Thắng	6.75	7.00	6.95	0.00	0.00	20.70	
51	590065	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	19/04/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.75	9.00	0.00	0.00	26.25	
52	590067	VŨ NGỌC DIỆM	Nữ	09/04/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	7.55	0.00	0.00	23.80	
53	021208	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP	Nữ	19/01/2011	THCS Đại Thắng	9.25	9.00	8.30	0.00	0.00	26.55	
54	021375	BÙI NGỌC DIỆP	Nữ	23/12/2011	THCS Trần Huy Liệu	9.50	8.50	8.85	0.00	0.00	26.85	
55	590068	MAI THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	04/01/2011	THCS Trần Huy Liệu	9.50	8.75	8.85	0.00	0.00	27.10	
56	590069	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	04/08/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.50	5.45	0.00	0.00	21.45	
57	590070	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	23/06/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.00	7.90	0.00	0.00	23.90	
58	590071	HOÀNG TRUNG DŨNG	Nam	01/03/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.75	6.95	0.00	0.00	23.95	
59	590072	NGUYỄN THÊ DŨNG	Nam	16/11/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.75	7.65	0.00	0.00	25.40	
60	590074	NGUYỄN TRUNG DŨNG	Nam	05/08/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.50	8.55	0.00	0.00	26.05	
61	590075	VŨ TIÊN DŨNG	Nam	02/01/2011	THCS Nguyễn Phúc	8.50	8.50	8.40	0.00	0.00	25.40	
62	590077	NGUYỄN NGỌC DUY	Nam	09/06/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.00	6.00	0.00	0.00	22.00	
63	590078	NGUYỄN THÊ DUY	Nam	22/09/2011	THCS Đại Thắng	7.25	8.00	5.00	0.00	0.00	20.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
64	590079	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	05/09/2011	THCS Thành An	8.25	8.50	5.75	0.00	0.00	22.50	
65	590080	VŨ VIỆT DUY	Nam	06/06/2011	THCS Thành Lợi	7.75	7.50	5.75	0.00	0.00	21.00	
66	590081	BÙI THỊ HỒNG DUYÊN	Nữ	10/03/2011	THCS Thành Lợi	9.00	7.75	7.40	0.00	0.00	24.15	
67	590082	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	27/08/2011	THCS Thành An	7.50	9.00	9.20	0.00	0.00	25.70	
68	590083	HOÀNG NGỌC ANH DƯƠNG	Nữ	15/09/2011	THCS Nguyễn Phúc	8.50	8.00	7.85	0.00	0.00	24.35	
69	590086	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	29/04/2011	THCS Đại Thắng	8.25	8.25	7.00	0.00	0.00	23.50	
70	590089	PHẠM QUỐC ĐẠI	Nam	13/06/2011	THCS Liên Bảo	7.50	8.25	7.65	0.00	0.00	23.40	
71	590090	VŨ LINH DAN	Nữ	06/10/2011	THCS Đại Thắng	7.25	8.50	7.55	0.00	0.00	23.30	
72	590093	VŨ QUỐC ĐẠT	Nam	10/03/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.25	7.20	0.00	0.00	23.95	
73	590094	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	13/07/2011	THCS Thành Lợi	8.00	9.00	9.55	0.00	0.00	26.55	
74	590095	VŨ TIẾN ĐẠT	Nam	05/11/2011	THCS Đại Thắng	8.75	9.00	7.65	0.00	0.00	25.40	
75	590096	ĐOÀN HẢI ĐĂNG	Nam	18/10/2008	THCS Đại Thắng	8.50	8.25	8.05	0.00	0.00	24.80	
76	590097	ĐỖ HẢI ĐĂNG	Nam	22/12/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.25	5.95	0.00	0.00	22.20	
77	590098	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	17/10/2011	THCS Liên Bảo	8.25	8.50	7.35	0.00	0.00	24.10	
78	590099	VŨ HẢI ĐĂNG	Nam	15/01/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.00	8.25	8.15	0.00	0.00	24.40	
79	590100	NGUYỄN CÔNG DIÊN	Nam	07/04/2011	THCS Liên Bảo	7.25	8.75	8.70	0.00	0.00	24.70	
80	590101	TRẦN CÔNG ĐỊNH	Nam	08/05/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	8.55	0.00	0.00	25.30	
81	590103	BÙI HUY MINH ĐỨC	Nam	14/06/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.25	8.15	0.00	0.00	23.90	
82	590105	TRẦN VŨ GIA ĐỨC	Nam	18/02/2011	THCS Thành Lợi	7.25	8.00	4.95	0.00	0.00	20.20	
83	020254	HOÀNG THU HÀ	Nữ	13/08/2011	THCS Vinh Hào	8.50	8.50	8.70	0.00	0.00	25.70	
84	590107	PHAN THỊ THU HÀ	Nữ	03/05/2011	THCS Thành Lợi	7.25	7.25	6.70	0.00	0.00	21.20	
85	590108	VŨ NGỌC NGÂN HÀ	Nữ	09/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	8.75	0.00	0.00	25.25	
86	590110	VŨ THỊ THU HÀ	Nữ	03/06/2011	THCS Đại Thắng	9.00	8.75	9.45	0.00	0.00	27.20	
87	590111	VŨ VIỆT HÀ	Nam	25/04/2011	THCS Đại Thắng	8.50	7.75	7.00	0.00	0.00	23.25	
88	590113	ĐỖ ĐỨC HẢI	Nam	23/10/2011	THCS Đại Thắng	7.00	7.25	5.95	0.00	0.00	20.20	
89	590114	TRẦN ĐĂNG HẢI	Nam	23/08/2011	THCS Liên Bảo	8.00	6.50	7.90	0.00	0.00	22.40	
90	021052	PHẠM MINH HẰNG	Nữ	14/03/2011	THCS Liên Bảo	9.50	9.00	8.80	0.00	0.00	27.30	
91	590115	TRẦN THỊ THUY HẰNG	Nữ	24/02/2011	THCS Đại Thắng	8.75	7.75	7.05	0.00	0.00	23.55	
92	590116	TRẦN THU HẰNG	Nữ	04/11/2011	THCS Thành Lợi	7.75	7.75	6.90	0.00	0.00	22.40	
93	590117	VŨ THANH HẰNG	Nữ	01/08/2011	THCS Thành Lợi	8.25	7.50	6.35	0.00	0.00	22.10	
94	590118	MAI NGỌC HÂN	Nữ	14/06/2011	THCS Vinh Hào	8.50	8.50	7.55	0.00	0.00	24.55	
95	590119	PHAN GIA HÂN	Nữ	24/09/2011	THCS Thành Lợi	6.75	7.75	7.95	0.00	0.00	22.45	
96	590120	TRẦN GIA HÂN	Nữ	24/02/2011	THCS Liên Bảo	8.00	7.75	8.40	0.00	0.00	24.15	
97	590121	BÙI THU HIỀN	Nữ	24/05/2011	THCS Liên Bảo	7.25	8.00	7.10	0.00	0.00	22.35	

*Nguyễn Văn Hùng*

*JW*

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
98	590122	NGUYỄN THỊ THẢO HIÊN	Nữ	12/04/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.00	7.85	0.00	0.00	24.10	
99	590124	PHẠM ĐỖ DỊU HIÊN	Nữ	05/02/2011	THCS Đại Thắng	9.00	8.00	9.45	0.00	0.00	26.45	
100	590125	VŨ THANH HIÊN	Nữ	08/01/2011	THCS Đại Thắng	9.00	7.75	7.50	0.00	0.00	24.25	
101	590126	NGUYỄN VĂN HIỆP	Nam	15/03/2011	THCS Thành Lợi	8.25	7.25	4.85	0.00	0.00	20.35	
102	590130	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	13/04/2011	THCS Thành An	8.75	8.50	8.60	0.00	0.00	25.85	
103	590131	NGUYỄN XUÂN HIẾU	Nam	09/06/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	8.85	0.00	0.00	25.60	
104	590132	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	22/02/2011	THCS Mỹ Xá	7.75	9.00	7.45	0.00	0.00	24.20	
105	590134	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	05/12/2011	THCS Thành Lợi	6.75	7.00	6.50	0.00	0.00	20.25	
106	590135	HỒ THỊ HOA	Nữ	09/09/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.50	5.00	0.00	0.00	20.50	
107	590136	VŨ THỊ NGỌC HOA	Nữ	26/06/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.50	7.90	0.00	0.00	24.15	
108	590137	NGUYỄN LÊ HOÀNG	Nam	24/12/2011	THCS Lý Tự Trọng	8.00	7.00	6.20	0.00	0.00	21.20	
109	590138	VŨ HUY HOÀNG	Nam	14/07/2011	THCS Thành An	8.50	7.50	5.25	0.00	0.00	21.25	
110	590139	PHẠM THỊ MAI HUỆ	Nữ	07/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	8.25	0.00	0.00	24.75	
111	590141	ĐOÀN KHÁNH HÙNG	Nam	28/08/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.00	4.60	0.00	0.00	20.85	
112	590142	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	05/07/2011	THCS Vĩnh Hào	8.00	8.25	8.50	0.00	0.00	24.75	
113	590143	BÙI NGỌC HUY	Nam	15/09/2011	THCS Thành Lợi	7.25	7.50	6.25	0.00	0.00	21.00	
114	590145	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	18/03/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.50	8.15	0.00	0.00	25.15	
115	590146	NGUYỄN MINH HUY	Nam	24/09/2011	THCS Nguyễn Phúc	8.50	8.75	8.55	0.00	0.00	25.80	
116	590147	PHẠM ANH HUY	Nam	01/12/2011	THCS Liên Bảo	8.50	8.25	8.50	0.00	0.00	25.25	
117	590148	PHẠM QUANG HUY	Nam	21/04/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.50	8.25	0.00	0.00	25.25	
118	590149	PHẠM QUANG HUY	Nam	30/07/2011	THCS Liên Bảo	8.50	8.00	9.00	0.00	0.00	25.50	
119	590151	PHAN THANH HUY	Nam	18/03/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.25	7.55	0.00	0.00	24.05	
120	590152	PHÙNG GIA HUY	Nam	24/09/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.25	8.00	7.40	0.00	0.00	23.65	
121	590154	VŨ GIA HUY	Nam	13/07/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.00	6.30	0.00	0.00	22.30	
122	590155	BÙI KHÁNH HUYỀN	Nữ	15/05/2011	THCS Thành Lợi	7.75	9.00	8.80	0.00	0.00	25.55	
123	590156	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	Nữ	11/01/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.00	7.55	0.00	0.00	23.55	
124	590157	TRẦN NGỌC HUYỀN	Nữ	19/01/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.00	8.50	8.90	0.00	0.00	25.40	
125	590158	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	28/04/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	7.90	0.00	0.00	24.15	
126	590159	HOÀNG NGUYỄN TUẤN HÙNG	Nam	17/05/2011	THCS Liên Bảo	8.50	8.50	8.25	0.00	0.00	25.25	
127	590160	LƯU MẠNH HÙNG	Nam	03/11/2011	THCS Đại Thắng	8.00	7.25	5.50	0.00	0.00	20.75	
128	590161	NINH DUY HÙNG	Nam	12/08/2011	THCS Liên Bảo	8.75	8.75	7.65	0.00	0.00	25.15	
129	590163	VŨ GIA HÙNG	Nam	12/05/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	8.70	0.00	0.00	25.45	
130	590164	VŨ TIÊN HÙNG	Nam	21/11/2011	THCS Đại Thắng	8.25	8.25	6.90	0.00	0.00	23.40	
131	020065	NGUYỄN LÊ MAI HƯƠNG	Nữ	21/04/2011	THCS Thành Lợi	8.75	9.00	7.25	0.00	0.00	25.00	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
132	590166	TRẦN NGỌC HƯƠNG	Nữ	14/08/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.75	6.70	0.00	0.00	23.45	
133	590167	NGUYỄN THU HƯỜNG	Nữ	15/06/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.25	7.85	0.00	0.00	24.60	
134	590169	VŨ MINH KHANG	Nam	10/10/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.00	8.25	0.00	0.00	24.75	
135	590170	NGUYỄN TRỌNG KHANH	Nam	06/06/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.50	8.45	0.00	0.00	23.95	
136	590171	ĐINH GIA KHÁNH	Nam	13/05/2011	THCS Trần Huy Liệu	7.00	8.75	7.15	0.00	0.00	22.90	
137	590172	ĐỖ DUY KHÁNH	Nam	02/04/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.50	7.25	0.00	0.00	24.25	
138	590173	LƯƠNG QUỐC KHÁNH	Nam	06/06/2011	THCS Liên Bảo	8.50	8.25	9.05	0.00	0.00	25.80	
139	590176	VŨ ĐĂNG KHOA	Nam	09/08/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.00	5.95	0.00	0.00	22.45	
140	590177	TRẦN BÙI NGUYỄN KHÔI	Nam	17/09/2011	THCS Thành Lợi	8.50	9.00	6.95	0.00	0.00	24.45	
141	020914	NGUYỄN VIỆT KHÔI	Nam	12/07/2011	THCS Trần Huy Liệu	9.50	8.25	8.60	0.00	0.00	26.35	
142	590178	LÊ BÙI MINH KHUÊ	Nữ	28/10/2011	THCS Trần Huy Liệu	7.50	8.50	8.00	0.00	0.00	24.00	
143	590180	LÊ THỊ HOÀNG LAM	Nữ	12/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	9.00	8.00	0.00	0.50	25.50	
144	590181	NGUYỄN KHÁNH LAM	Nữ	02/07/2011	THCS Liên Bảo	8.50	9.00	7.90	0.00	0.00	25.40	
145	590182	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	23/07/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	8.60	0.00	0.00	25.35	
146	590183	VŨ THỊ HOA LAN	Nữ	28/09/2011	THCS Thành Lợi	8.50	9.25	7.90	0.00	0.00	25.65	
147	590184	VƯƠNG THỊ MAI LAN	Nữ	28/11/2011	THCS Đại Thắng	6.25	8.50	6.70	0.00	0.00	21.45	
148	590185	VŨ THỊ LỆ	Nữ	06/05/2011	THCS Thành An	7.25	9.00	4.25	0.00	0.00	20.50	
149	590186	HOÀNG THU LIÊU	Nữ	03/06/2011	THCS Liên Bảo	8.25	8.75	6.75	0.00	0.00	23.75	
150	590187	BÙI KHÁNH LINH	Nữ	04/05/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.50	7.25	0.00	0.00	24.00	
151	590189	ĐỖ THỊ YẾN LINH	Nữ	10/10/2011	THCS Thành An	7.50	8.50	6.10	0.00	0.00	22.10	
152	590190	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	10/04/2011	THCS Đại Thắng	9.25	9.25	8.60	0.00	0.00	27.10	
153	590191	PHẠM NGỌC DIỆU LINH	Nữ	19/11/2011	THCS Nguyễn Phúc	9.00	8.50	7.30	0.00	0.00	24.80	
154	590192	PHẠM NGỌC ĐAN LINH	Nữ	19/11/2011	THCS Nguyễn Phúc	8.00	8.50	6.95	0.00	0.00	23.45	
155	590193	PHẠM THỊ ANH LINH	Nữ	21/03/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.75	8.75	0.00	0.00	26.00	
156	590194	PHAN THỊ NGỌC LINH	Nữ	08/06/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	6.80	0.00	0.00	23.30	
157	021323	NGUYỄN HÀ THỦY LINH	Nữ	18/03/2011	THCS Lê Đức Thọ	8.00	8.50	8.15	0.00	0.00	24.65	
158	590195	TRẦN THỦY LINH	Nữ	12/09/2011	THCS Liên Bảo	7.75	8.50	6.20	0.00	0.00	22.45	
159	590196	VŨ BÙI ÁNH LINH	Nữ	22/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	4.60	0.00	0.00	21.35	
160	590197	VŨ HÀ LINH	Nữ	02/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	9.25	8.50	0.00	0.00	25.75	
161	590198	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	27/08/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	5.55	0.00	0.00	21.30	
162	590199	VŨ THỊ MAI LINH	Nữ	15/03/2011	THCS Đại Thắng	8.75	7.75	8.75	0.00	0.00	25.25	
163	590200	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	22/09/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	7.80	0.00	0.00	24.05	
164	590202	NGUYỄN HƯƠNG LOAN	Nữ	16/04/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.50	7.60	0.00	0.00	24.60	
165	590204	TRẦN KHÁNH LOAN	Nữ	15/03/2011	THCS Thành Lợi	8.00	9.00	7.90	0.00	0.00	24.90	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
166	590205	ĐẶNG VĂN LONG	Nam	11/04/2011	THCS Liên Bảo	9.00	9.00	8.40	0.00	0.00	26.40	
167	010116	PHẠM HẢI LONG	Nam	19/03/2011	THCS Thành Lợi	9.50	8.00	8.80	0.00	0.00	26.30	
168	590207	PHAN THÀNH LONG	Nam	07/11/2011	THCS Thành Lợi	9.25	8.50	7.95	0.00	0.00	25.70	
169	590208	VŨ HOÀNG LONG	Nam	27/05/2011	THCS Thành Lợi	7.00	8.00	7.95	0.00	0.00	22.95	
170	590209	VŨ HỮU BẢO LONG	Nam	14/11/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.00	8.70	0.00	0.00	25.70	
171	590212	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	31/10/2011	THCS Thành Lợi	6.50	8.25	6.75	0.00	0.00	21.50	
172	590213	PHAN TRỌNG LUÂN	Nam	22/08/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.00	7.10	0.00	0.00	22.60	
173	590214	MAI THỊ KHÁNH LY	Nữ	06/03/2011	THCS Vĩnh Hào	8.00	9.00	5.60	0.00	0.00	22.60	
174	590215	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	04/05/2011	THCS Thành Lợi	9.50	9.00	7.95	0.00	0.00	26.45	
175	590217	PHẠM KHÁNH LY	Nữ	23/06/2011	THCS Thành Lợi	7.25	8.00	5.85	0.00	0.00	21.10	
176	590218	TRẦN THỊ KHÁNH LY	Nữ	11/02/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.50	7.40	0.00	0.00	23.90	
177	590220	ĐỖ THỊ HỒNG LỸ	Nữ	13/09/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.50	7.35	0.00	0.00	23.60	
178	590223	VŨ THỊ THANH MAI	Nữ	06/10/2011	THCS Thành Lợi	7.00	8.25	5.60	0.00	0.00	20.85	
179	590224	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	26/03/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.50	7.10	0.00	0.00	24.60	
180	590226	NGUYỄN NHƯ MẠNH	Nam	09/05/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.50	9.05	0.00	0.00	26.55	
181	590227	VŨ LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	29/01/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.25	4.75	0.00	0.00	21.50	
182	590228	BÙI HOÀNG BẢO MINH	Nam	09/01/2011	THCS Đại Thắng	7.25	7.75	7.00	0.00	0.00	22.00	
183	020095	NGUYỄN NHẬT MINH	Nam	03/07/2011	THCS Vĩnh Hào	9.00	8.50	9.55	0.00	0.00	27.05	
184	020672	HOÀNG NGỌC MINH	Nam	18/03/2011	THCS Trần Huy Liệu	9.00	8.75	9.90	0.00	0.00	27.65	
185	590229	ĐÀM QUANG MINH	Nam	19/09/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.75	8.00	8.85	0.00	0.00	25.60	
186	590230	ĐỖ VĂN MINH	Nam	06/07/2011	THCS Đại Thắng	6.75	8.75	5.25	0.00	0.00	20.75	
187	590232	NGUYỄN TÀI MINH	Nam	22/02/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.75	4.50	0.00	0.00	20.25	
188	590234	VŨ TUẤN MINH	Nam	04/12/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.75	3.50	0.00	0.00	20.50	
189	590235	BÙI NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	28/09/2011	THCS Thành Lợi	7.00	8.00	7.45	0.00	0.00	22.45	
190	590236	TRẦN HÀ MY	Nữ	05/04/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.50	8.45	0.00	0.00	24.45	
191	590237	VŨ TRÀ MY	Nữ	05/07/2011	THCS Thành Lợi	8.75	9.00	8.80	0.00	0.00	26.55	
192	590239	DƯ HOÀI NAM	Nam	15/10/2011	THCS Đại Thắng	8.50	7.75	7.75	0.00	0.00	24.00	
193	590241	ĐỖ BẢO NAM	Nam	05/12/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.00	8.50	0.00	0.00	24.50	
194	590243	NGUYỄN BẢO NAM	Nam	20/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.00	7.85	0.00	0.00	22.85	
195	590245	TRẦN HỮU NAM	Nam	24/03/2011	THCS Liên Bảo	8.25	8.25	7.40	0.00	0.00	23.90	
196	590246	TRẦN TUẤN NAM	Nam	22/03/2011	THCS Liên Bảo	8.50	8.25	9.20	0.00	0.00	25.95	
197	590247	TRẦN VĂN NAM	Nam	10/09/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.75	7.05	0.00	0.00	24.80	
198	590248	VŨ NHẬT NAM	Nam	09/01/2011	THCS Đại Thắng	8.25	8.50	8.85	0.00	0.00	25.60	
199	590249	VŨ THANH NGA	Nữ	12/10/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.50	6.50	0.00	0.00	22.75	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
200	590250	VŨ THỦY NGA	Nữ	04/11/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.25	7.30	0.00	0.00	23.55	
201	590251	ĐỖ THỊ NGÁT	Nữ	19/05/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.75	5.80	0.00	0.00	21.55	
202	590252	ĐỖ KHÁNH NGÂN	Nam	19/05/2011	THCS Đại Thắng	8.75	8.50	6.80	0.00	0.00	24.05	
203	590254	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/08/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.25	6.10	0.00	0.00	22.10	
204	590255	PHẠM THỊ THUYỀN	Nữ	20/01/2011	THCS Liên Bảo	7.50	8.75	5.35	0.00	0.00	21.60	
205	590256	VŨ KIM NGÂN	Nữ	27/03/2011	THCS Đại Thắng	7.50	9.00	7.40	0.00	0.00	23.90	
206	590257	VŨ THỊ THỦY NGÂN	Nữ	25/08/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.75	6.00	0.00	0.00	22.50	
207	590258	ĐỖ MẠNH NGHĨA	Nam	19/01/2011	THCS Đại Thắng	8.00	7.50	7.00	0.00	0.00	22.50	
208	590259	HỒ XUÂN NGHĨA	Nam	02/12/2011	THCS Thành Lợi	9.25	8.75	8.00	0.00	0.00	26.00	
209	590260	BÙI THỊ BẢO NGỌC	Nữ	31/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.75	7.45	0.00	0.00	23.20	
210	590261	BÙI THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	26/05/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.75	7.75	0.00	0.00	24.75	
211	590262	HOÀNG THỊ BẢO NGỌC	Nữ	27/01/2011	THCS Trần Huy Liệu	5.75	8.00	6.85	0.00	0.00	20.60	
212	590263	MAI BẢO NGỌC	Nữ	13/07/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	7.35	0.00	0.00	23.60	
213	590264	NGUYỄN KIM NGỌC	Nữ	03/07/2011	THCS Đại Thắng	7.00	8.25	6.00	0.00	0.00	21.25	
214	590266	PHẠM YẾN NGỌC	Nữ	27/10/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.75	7.60	0.00	0.00	24.10	
215	590267	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	17/10/2011	THCS Thành Lợi	9.50	9.00	9.40	0.00	0.00	27.90	
216	590268	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	28/06/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.50	8.75	0.00	0.00	26.25	
217	590269	TRẦN VŨ THẢO NGUYỄN	Nữ	16/01/2011	THCS Liên Bảo	8.25	7.75	5.00	0.00	0.00	21.00	
218	590270	NGUYỄN THANH NHÂN	Nữ	17/10/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.75	5.25	0.00	0.00	21.50	
219	590271	BÙI THỊ MINH NHI	Nữ	24/07/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.00	7.50	0.00	0.00	23.25	
220	590273	ĐỖ YẾN NHI	Nữ	14/03/2011	THCS Đại Thắng	9.00	8.25	8.25	0.00	0.00	25.50	
221	590274	NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	18/09/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.25	6.20	0.00	0.00	22.45	
222	590275	PHAN TUỆ NHI	Nữ	04/06/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.50	5.85	0.00	0.00	21.35	
223	590276	TRẦN PHƯƠNG NHI	Nữ	01/06/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	7.40	0.00	0.00	23.15	
224	590277	VĂN THỊ THẢO NHI	Nữ	18/09/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	7.20	1.00	0.00	24.95	
225	590278	VŨ HÀ NGỌC NHI	Nữ	31/10/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.25	8.50	0.00	0.00	25.25	
226	590279	VŨ THỊ HOÀI NHUNG	Nữ	02/11/2011	THCS Thành An	7.75	7.75	6.00	0.00	0.00	21.50	
227	590281	ĐÀO XUÂN PHÁI	Nam	17/01/2011	THCS Đại Thắng	8.00	7.50	5.00	0.00	0.00	20.50	
228	590282	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	16/09/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.75	7.80	0.00	0.00	24.30	
229	590283	VŨ ĐẠI PHÁT	Nam	23/09/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.00	6.25	0.00	0.00	22.00	
230	590284	VŨ ĐỨC PHÁT	Nam	12/11/2011	THCS Vĩnh Hòa	7.25	7.75	8.15	0.00	0.00	23.15	
231	590286	HOÀNG ĐẠI PHONG	Nam	14/01/2011	THCS Thành Lợi	7.00	7.75	7.00	0.00	0.00	21.75	
232	590287	LƯU VŨ PHONG	Nam	18/12/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.00	7.15	0.00	0.00	23.15	
233	590288	NGUYỄN NHƯ PHONG	Nam	09/08/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	8.15	0.00	0.00	24.90	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
234	590289	PHÙNG TUẤN PHONG	Nam	28/03/2011	THCS Đại An	7.50	8.00	7.25	0.00	0.00	22.75	
235	590290	ĐỖ ĐỨC PHÚC	Nam	03/08/2011	THCS Đại Thắng	8.75	7.75	7.50	0.00	0.00	24.00	
236	590291	NGUYỄN DIỆM PHÚC	Nữ	06/11/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.25	6.25	0.00	0.00	22.50	
237	590292	VŨ THIÊN PHÚC	Nam	28/10/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.25	8.65	0.00	0.00	24.65	
238	590293	ĐẶNG THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	02/08/2011	THCS Thành Lợi	9.50	9.00	8.25	0.00	0.00	26.75	
239	590294	ĐINH MAI PHƯƠNG	Nữ	07/08/2011	THCS Liên Bảo	7.50	7.75	6.30	0.00	0.00	21.55	
240	590295	ĐOÀN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	13/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	9.35	0.00	0.00	26.10	
241	590297	TRẦN MAI PHƯƠNG	Nữ	15/11/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.25	8.05	0.00	0.00	24.30	
242	590298	VŨ PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	29/03/2011	THCS Thành Lợi	7.25	8.00	7.10	0.00	0.00	22.35	
243	590300	TRẦN NGỌC QUANG	Nam	15/03/2011	THCS Liên Bảo	7.75	8.25	6.35	0.00	0.00	22.35	
244	590301	ĐOÀN MINH QUÂN	Nam	21/11/2011	THCS Thành Lợi	7.75	7.75	4.50	0.00	0.00	20.00	
245	590302	ĐỖ SỸ QUÂN	Nam	17/09/2011	THCS Thành An	8.00	8.25	7.80	0.00	0.00	24.05	
246	590303	ĐỖ TRUNG QUÂN	Nam	20/07/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.00	6.80	0.00	0.00	22.80	
247	590304	TRẦN KHÁNH QUÂN	Nam	08/09/2011	THCS Thành An	7.75	6.50	7.75	0.00	0.00	22.00	
248	590305	TRẦN MINH QUÂN	Nam	19/11/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	8.00	0.00	0.00	24.50	
249	590306	VŨ MINH QUÂN	Nam	28/12/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.25	6.10	0.00	0.00	22.10	
250	590307	NGUYỄN VĂN QUỐC	Nam	07/04/2011	THCS Thành Lợi	6.75	8.00	6.10	0.00	0.00	20.85	
251	590308	TRẦN ANH QUỐC	Nam	22/06/2011	THCS Trần Huy Liệu	9.50	8.25	8.50	0.00	0.00	26.25	
252	590309	MAI NGỌC QUYÊN	Nữ	20/03/2011	THCS Trần Huy Liệu	7.75	8.75	8.35	0.00	0.00	24.85	
253	590312	NGUYỄN HUY QUYÊN	Nam	03/07/2011	THCS Thành An	8.25	8.25	7.50	0.00	0.00	24.00	
254	590313	ĐẶNG THỊ DIỆM QUỲNH	Nữ	11/01/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.25	4.50	0.00	0.00	20.75	
255	590316	PHAN NHƯ QUỲNH	Nữ	28/02/2011	THCS Thành Lợi	6.50	8.00	5.80	0.00	0.00	20.30	
256	020133	PHAN THÀNH QUÝ	Nam	01/01/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	9.55	0.00	0.00	26.80	
257	590318	BÙI YẾN SAN	Nữ	20/09/2011	THCS Liên Bảo	8.75	8.50	8.35	0.00	0.00	25.60	
258	590319	ĐÀM THẾ SANG	Nam	14/09/2011	THCS Liên Bảo	7.75	8.00	7.75	0.00	0.00	23.50	
259	590321	BÙI HUY HOÀNG SƠN	Nam	06/12/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.50	7.55	0.00	0.00	23.05	
260	590322	BÙI VŨ THANH TÂM	Nữ	31/10/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.50	8.60	0.00	0.00	26.10	
261	590323	ĐỖ THÀNH TÂN	Nam	20/08/2011	THCS Đại Thắng	9.00	8.75	8.00	0.00	0.00	25.75	
262	590324	TRỊNH VŨ XUÂN THÁI	Nam	02/08/2011	THCS Thành Lợi	8.75	8.00	8.60	0.00	0.00	25.35	
263	590328	NGUYỄN NHƯ THÀNH	Nam	19/09/2011	THCS Thành Lợi	8.75	8.00	8.35	0.00	0.00	25.10	
264	590329	VŨ ĐỨC BẢO THÀNH	Nam	24/02/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.75	5.85	0.00	0.00	21.60	
265	590331	BÙI THỊ THANH THẢO	Nữ	26/09/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.25	6.75	0.00	0.00	22.75	
266	590332	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/12/2011	THCS Thành An	9.25	8.75	7.50	0.00	0.00	25.50	
267	590333	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	07/03/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	6.35	0.00	0.00	22.60	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
26	590334	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	31/10/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	8.35	0.00	0.00	25.60	
27	590335	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	13/10/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.25	8.25	0.00	0.00	25.00	
28	590336	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/08/2011	THCS Đại Thắng	7.25	8.25	5.45	0.00	0.00	20.95	
29	590337	VŨ THỊ HỒNG THẨM	Nữ	19/07/2011	THCS Thành Lợi	7.50	7.75	5.45	0.00	0.00	20.70	
30	590338	VŨ THỊ TIÊU	Nữ	05/05/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.75	6.80	0.00	0.00	24.05	
31	590340	BÙI HUY THỊNH	Nam	07/09/2011	THCS Thành Lợi	9.25	7.75	8.80	0.00	0.00	25.80	
32	590342	VŨ THỊ ANH THƠ	Nữ	29/08/2011	THCS Thành An	7.25	8.50	7.80	0.00	0.00	23.55	
33	590343	BÙI HUY THUẬN	Nam	07/08/2011	THCS Liên Bảo	7.50	8.00	4.90	0.00	0.00	20.40	
34	590344	TRẦN THỊ PHƯƠNG THUY	Nữ	24/11/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.50	8.60	0.00	0.00	25.60	
35	590345	ĐỖ THỊ THANH THỦY	Nữ	23/03/2011	THCS Thành An	8.50	8.75	7.65	0.00	0.00	24.90	
36	590346	VŨ THỊ THU THỦY	Nữ	02/03/2011	THCS Đại Thắng	7.75	8.25	7.25	0.00	0.00	23.25	
37	020521	VŨ THỊ THANH THỦY	Nữ	01/04/2011	THCS Đại Thắng	9.50	8.50	9.50	0.00	0.00	27.50	
38	020149	TRẦN HOÀI THU	Nữ	25/02/2011	THCS Liên Bảo	9.00	8.50	8.85	0.00	0.00	26.35	
39	020404	VŨ THỊ MINH THƯ	Nữ	30/05/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.50	8.05	0.00	0.00	25.05	
40	590347	BÙI MINH THƯ	Nữ	30/11/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	8.40	0.00	0.00	24.65	
41	590348	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	13/10/2011	THCS Thành Lợi	8.00	9.00	8.25	0.00	0.00	25.25	
42	590349	ĐOÀN ANH THƯ	Nữ	03/01/2011	THCS Đại Thắng	8.25	8.00	6.20	0.00	0.00	22.45	
43	590351	TRẦN MINH THƯ	Nữ	26/11/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.75	7.05	0.00	0.00	23.80	
44	590352	VŨ ANH THƯ	Nữ	11/02/2011	THCS Thành An	8.00	7.50	7.40	0.00	0.00	22.90	
45	590354	NGUYỄN THỦY TIÊN	Nữ	20/09/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.25	7.00	0.00	0.00	23.25	
46	590355	BÙI SỸ TIÊN	Nam	04/11/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	4.95	0.00	0.00	20.70	
47	590357	ĐỖ HỮU TÍNH	Nam	21/09/2011	THCS Đại Thắng	6.00	8.00	7.15	1.00	0.00	22.15	
48	590360	BÙI BẢO TRANG	Nữ	25/07/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.75	5.00	0.00	0.00	20.75	
49	590361	BÙI THU TRANG	Nữ	06/11/2011	THCS Thành Lợi	6.50	8.25	7.45	0.00	0.00	22.20	
50	590362	ĐỖ NGỌC HUYỀN TRANG	Nữ	01/01/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.50	8.60	0.00	0.00	25.60	
51	590363	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	09/04/2011	THCS Thành Lợi	8.25	9.00	7.85	0.00	0.00	25.10	
52	020407	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	27/01/2011	THCS Thành Lợi	8.75	8.75	8.60	0.00	0.00	26.10	
53	590364	ĐỖ THỊ THỦY TRANG	Nữ	13/01/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	5.85	0.00	0.00	23.10	
54	590365	NGUYỄN BẢO TRANG	Nữ	02/06/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.75	7.55	0.00	0.00	24.30	
55	590366	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	15/02/2011	THCS Thành Lợi	8.00	9.00	7.95	0.00	0.00	24.95	
56	590367	PHAN HUYỀN TRANG	Nữ	19/08/2011	THCS Đại Thắng	9.00	8.75	8.15	0.00	0.00	25.90	
57	590368	TRẦN MAI TRANG	Nữ	11/09/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	8.35	0.00	0.00	25.60	
58	590369	TRẦN MINH TRANG	Nữ	21/05/2011	THCS Thành Lợi	8.25	8.25	7.35	0.00	0.00	23.85	
59	590370	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	27/06/2011	THCS Liên Bảo	7.00	7.75	7.50	0.00	0.00	22.25	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
302	590371	TRẦN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	15/02/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	6.55	0.00	0.00	23.05	
303	590372	TRẦN THU TRANG	Nữ	24/11/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.50	8.70	0.00	0.00	25.70	
304	590373	VŨ MINH TRANG	Nữ	11/02/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.75	8.85	0.00	0.00	26.10	
305	590374	VŨ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	30/10/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.75	4.50	0.00	0.00	21.00	
306	590375	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	05/01/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	7.10	0.00	0.00	23.60	
307	590376	NGUYỄN THỊ TRÂM	Nữ	19/05/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.50	4.60	0.00	0.00	20.85	
308	590378	NGUYỄN CÔNG PHƯỚC TRÍ	Nam	19/07/2011	THCS Thành An	7.50	8.50	6.85	0.00	0.00	22.85	
309	590379	TRẦN HỮU TRÍ	Nam	22/02/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.25	8.50	0.00	0.00	24.25	
310	590380	LƯU MINH TRIẾT	Nam	18/06/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.00	7.20	0.00	0.00	23.70	
311	590381	VŨ QUANG TRINH	Nam	25/03/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.00	7.70	0.00	0.00	23.70	
312	590382	BÙI ĐỨC TRỌNG	Nam	26/08/2011	THCS Thành Lợi	7.25	8.00	4.75	0.00	0.00	20.00	
313	590384	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	22/08/2011	THCS Đại Thắng	7.50	8.75	5.95	1.00	0.00	23.20	
314	590385	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	Nữ	06/05/2011	THCS Thành Lợi	7.00	8.50	4.60	0.00	0.00	20.10	
315	590387	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	18/02/2011	THCS Thành Lợi	6.75	8.00	8.50	0.00	0.00	23.25	
316	590388	PHẠM THÀNH TRUNG	Nam	10/12/2011	THCS Mỹ Xá	7.75	7.75	5.85	0.00	0.00	21.35	
317	590389	PHAN ĐỨC TRUNG	Nam	25/06/2011	THCS Thành Lợi	8.00	7.50	8.15	0.00	0.00	23.65	
318	590390	TRẦN QUANG TRUNG	Nam	20/01/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.75	8.85	0.00	0.00	26.10	
319	590393	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	11/02/2011	THCS Đại Thắng	8.50	7.25	4.75	0.00	0.00	20.50	
320	590394	VŨ DUY TRƯỜNG	Nam	27/10/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	6.00	0.00	0.00	21.75	
321	590395	VŨ QUANG TRƯỜNG	Nam	06/01/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.50	6.85	0.00	0.00	23.35	
322	020157	NGUYỄN CÔNG TOÀN	Nam	24/12/2011	THCS Thành An	9.00	8.25	8.65	0.00	0.00	25.90	
323	011003	ĐÀM THỊ NGỌC TÚ	Nữ	08/03/2011	THCS Tam Thanh	8.50	8.25	7.10	0.00	0.00	23.85	
324	590396	PHẠM ĐỨC TUẤN	Nam	09/11/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.25	3.85	0.00	0.00	20.10	
325	590400	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	02/10/2011	THCS Đại Thắng	8.25	7.50	6.70	0.00	0.00	22.45	
326	590401	TRẦN MINH TUẤN	Nam	08/01/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.00	8.50	9.15	0.00	0.00	25.65	
327	590404	ĐỖ THANH TÙNG	Nam	02/06/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.25	7.70	0.00	0.00	24.45	
328	590405	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	23/10/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.50	6.20	0.00	0.00	22.70	
329	590407	VŨ DANH TÙNG	Nam	05/07/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.25	6.25	0.00	0.00	22.50	
330	590408	VŨ XUÂN TUYỀN	Nam	21/08/2011	THCS Thành Lợi	9.00	8.50	9.00	0.00	0.00	26.50	
331	590409	TRẦN CÔNG TUYẾN	Nam	03/02/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	6.10	0.00	0.00	21.85	
332	590410	ĐỖ BÙI ÁNH TUYẾT	Nữ	20/11/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.25	7.60	1.00	0.00	24.85	
333	590411	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	Nữ	25/07/2011	THCS Thành An	7.50	7.50	7.25	0.00	0.00	22.25	
334	590412	TRẦN PHẠM ÁNH TUYẾT	Nữ	23/02/2011	THCS Liên Bảo	8.00	8.25	8.30	0.00	0.00	24.55	
335	590413	LƯU CHÍ TƯỜNG	Nam	11/11/2011	THCS Đại Thắng	8.00	7.50	7.80	0.00	0.00	23.30	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Văn	Ngoại ngữ				
126	590414	NGÔ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	23/07/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	5.60	0.00	0.00	21.35	
127	010629	TÔNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	01/06/2011	THCS Trần Huy Liệu	8.50	8.75	8.95	0.00	0.00	26.20	
128	590415	PHẠM THỊ UYÊN	Nữ	11/10/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.75	7.90	0.00	0.00	24.40	
129	590416	NGUYỄN TÀI VĂN	Nam	12/05/2011	THCS Thành Lợi	8.50	8.75	8.50	0.00	0.00	25.75	
130	590417	VŨ THỊ VĂN	Nữ	02/03/2011	THCS Đại Thắng	8.50	8.50	6.85	0.00	0.00	23.85	
131	590420	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	24/05/2011	THCS Đại Thắng	7.75	7.50	5.50	0.00	0.00	20.75	
132	590421	VŨ QUỐC VIỆT	Nam	10/12/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	7.75	0.00	0.00	24.50	
133	590424	BÙI QUANG VINH	Nam	16/06/2011	THCS Liên Bảo	8.25	8.50	6.35	0.00	0.00	23.10	
134	590425	DƯƠNG ĐỨC VINH	Nam	01/10/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	7.60	0.00	0.00	23.35	
135	590427	TRẦN THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	01/01/2011	THCS Liên Bảo	9.25	8.75	8.30	0.00	0.00	26.30	
136	590429	VŨ THỊ HÀ VY	Nữ	05/03/2011	THCS Thành Lợi	8.75	9.00	9.10	0.00	0.00	26.85	
137	590430	NGUYỄN ĐÌNH XUÂN	Nam	18/01/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	5.95	0.00	0.00	22.70	
138	020765	ĐOÀN THỊ THANH XUÂN	Nữ	04/03/2011	THCS Thành Lợi	8.50	9.25	9.35	0.00	0.00	27.10	
139	590432	ĐỖ NHƯ Ý	Nữ	07/10/2011	THCS Đại Thắng	8.00	8.50	7.70	0.00	0.00	24.20	
140	590433	BÙI THỊ HẢI YẾN	Nữ	10/07/2011	THCS Thành Lợi	7.50	8.00	4.60	0.00	0.00	20.10	
141	590434	HỒ THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	22/09/2011	THCS Thành Lợi	8.00	8.75	5.00	0.00	0.00	21.75	
142	590435	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	17/09/2011	THCS Thành Lợi	7.75	8.00	4.85	0.00	0.00	20.60	
143	590436	VŨ THỊ YẾN	Nữ	07/02/2011	THCS Thành Lợi	6.00	8.50	5.85	0.00	0.00	20.35	

Danh sách này gồm 353 học sinh được công nhận trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026 - 2027 theo điểm xét tuyển, có điểm xét tuyển từ 20,00 trở lên và đảm bảo các điều kiện, tiêu chí khác theo quy định.

Danh sách này gồm 11.....trang/.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT  
NGUYỄN ĐỨC THUẬN



HIỆU TRƯỞNG  
TRẦN QUANG ĐỨC

PHÒNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC

*Chuot*  
*Vũ Thị Hằng - Nga*

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
BÙI VĂN KHIẾT